

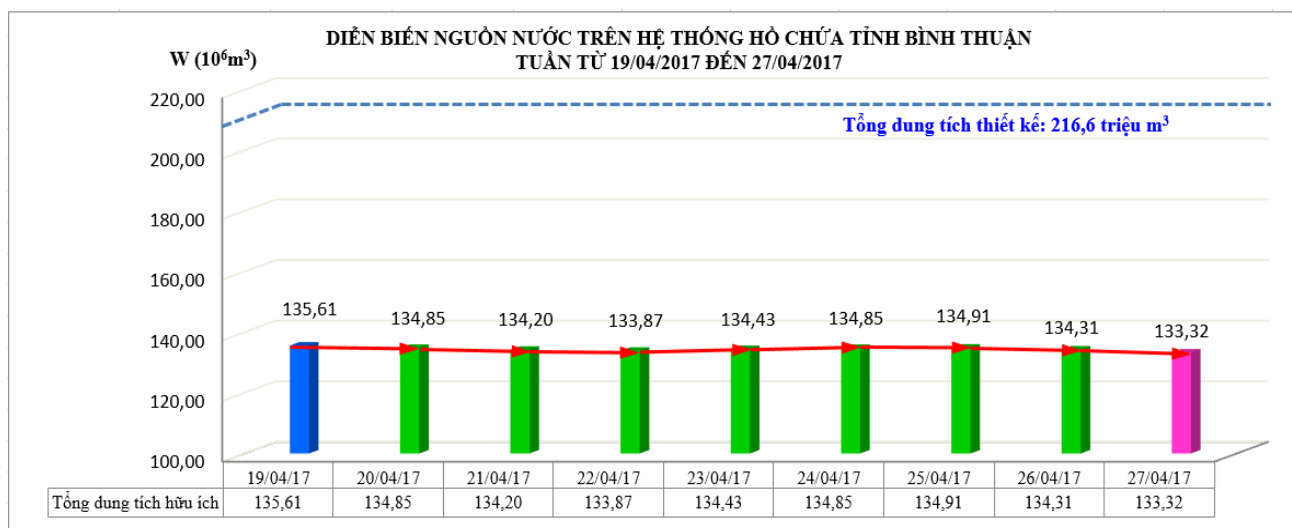
## BẢN TIN

### DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2017 (Tuần từ 28/04/2017 đến 04/05/2017)

#### 1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

##### 1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 19/04/2017 – 27/04/2017

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 19/04/2017 đến 27/04/2017 được trình bày tại Hình 1. Kết quả cho thấy tổng lượng nước trong các hồ, đập trong tuần nhìn chung có xu hướng giảm nhẹ. Tuần qua, do có mưa dông rải rác tại một số nơi trong tỉnh nên vào các ngày giữa tuần (từ ngày 23/04 – 25/04/2017) tổng dung tích các hồ, đập tăng nhẹ. Tổng lượng giảm của tuần qua là 2,29 triệu m<sup>3</sup>, trong khi đó mức giảm bình quân là 0,29 triệu m<sup>3</sup>/ngày, ít hơn so với tuần trước (với mức giảm tương ứng là 1,25 triệu m<sup>3</sup>/ ngày). Đến thời điểm hiện tại tổng lượng nước tích trữ trong các hồ/ đập nhìn chung còn ở mức khá so với tổng dung tích thiết kế (133,32 triệu m<sup>3</sup> / 216,6 triệu m<sup>3</sup>).



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 19/04-27/04/2017

##### 1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 27/04/2017

###### 1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi

Tính đến ngày 27/04/2017 tổng dung tích của 16 hồ, đập lớn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 133,32 triệu m<sup>3</sup>, đạt 61,56 % so với tổng dung tích hữu ích thiết kế. Dung tích

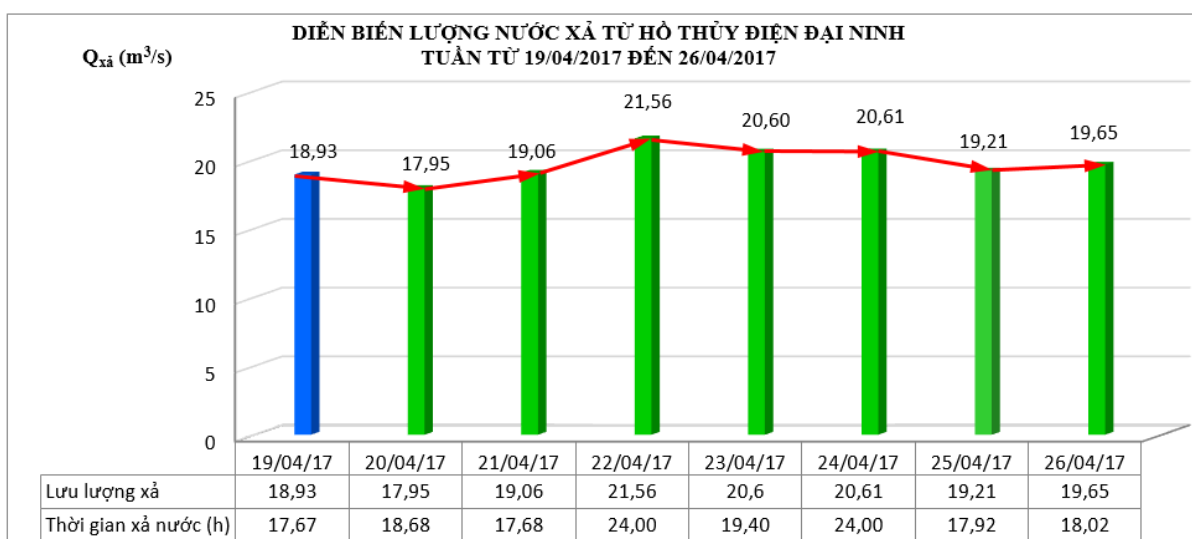
các hồ có sự thay đổi, về tổng thể chung thì giảm tuy nhiên một số hồ tăng dung tích so với đầu tuần như hồ Cà Giây và hồ Suối Đá. Hồ có tỉ lệ dung tích hữu ích thấp nhất là hồ Trà Tân với tỉ lệ là 3,64% so với dung tích thiết kế. Hồ có tỉ lệ cao nhất là hồ Tân Lập đạt 122,50% dung tích thiết kế. Hiện tại có 2 hồ có dung tích hữu ích thiết kế lớn trên địa bàn tỉnh là hồ Cà Giây, hồ Phan Dũng tính đến thời điểm hiện nay còn khá nhiều nước (Dung tích hiện tại đều lớn hơn 80% so với dung tích thiết kế).

Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 27/04/2017

STT	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH ( $10^6 \text{ m}^3$ )						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	4,074	4,87	9,718	0,392	4,478	3,682	82,22%
2	Lòng Sông	26,342	37,16	40,271	3,464	33,696	22,878	67,90%
3	Cà Giây	35,361	36,921	63,209	8,409	28,512	26,952	94,53%
4	Sông Khán	1,122	2,014	2,52	0,261	1,753	0,861	49,12%
5	Sông Quao	41,765	73	80	5,7	67,3	36,065	53,59%
6	Suối Đá	5,578	9,131	12,786	1,273	7,858	4,305	54,78%
7	Cầm Hạng	0,655	1,18	1,215	0,013	1,167	0,642	55,01%
8	Sông Móng	17,854	37,156	51,515	2,985	34,171	14,869	43,51%
9	Ba Bàu	4,521	6,938	11,403	0,964	5,974	3,557	59,54%
10	Đu Đủ	4,078	3,664	5,217	0,297	3,367	3,781	112,30%
11	Tân Lập	1,295	1,07	1,52	0,07	1	1,225	122,50%
12	Tà Môn	0,290	0,657	0,72	0,05	0,607	0,240	39,54%
13	Núi Đất	3,638	8,466	9,648	0,566	7,9	3,072	38,89%
14	Trà Tân	0,530	3,888	8,333	0,403	3,485	0,127	3,64%
15	Sông Phan	0,647	3,022	3,579	0,172	2,85	0,475	16,67%
16	Phan Dũng	11,821	13,674	18,925	1,233	12,441	10,588	85,11%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>159,571</b>	<b>242,811</b>	<b>320,579</b>	<b>26,252</b>	<b>216,559</b>	<b>133,319</b>	<b>61,56%</b>

### 1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 27/04/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 144,76 triệu  $\text{m}^3$ /251,7 triệu  $\text{m}^3$ , đạt 57,51 % so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 2,98 triệu  $\text{m}^3$  so với đầu tuần (ngày 19/04/2017).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 19/04/2017 đến 26/04/2017

Tính đến ngày 27/04/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 357,08 triệu m<sup>3</sup>/ 522,5 triệu m<sup>3</sup>, đạt 68,34 % so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 24,63 triệu m<sup>3</sup> so với đầu tuần (ngày 19/04/2017).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 27/04/2017

Stt	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )						Tỷ lệ dung tích hiện tại
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	<b><u>Đại Ninh</u></b>	212,805	319,770	549,820	68,040	251,730	<b>144,765</b>	<b>57,51%</b>
2	<b><u>Hàm Thuận</u></b>	529,807	695,230	976,650	172,730	522,500	<b>357,077</b>	<b>68,34%</b>
<b>Tổng Cộng</b>		<b>742,611</b>	<b>1.015,000</b>	<b>1,526,470</b>	<b>240,770</b>	<b>774,230</b>	<b>501,841</b>	<b>64,82%</b>

## 2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

### 2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (các trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2016;

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân;

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2017. Lịch thời vụ các loại cây trồng;

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi;

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

### 2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông;
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

### 2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 05/2017	Dự báo KTTV tuần 1 - tháng 05/2017
<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Thời kỳ đầu tháng: mây thay đổi, nhiều nơi không mưa, ngày nắng; thời kỳ giữa và cuối tháng: mây thay đổi, đêm và chiều tối có mưa dông nhiệt vài nơi; lượng mưa tăng dần vào cuối tháng. Dự báo lượng mưa tháng 4/2017</p>	<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo thời tiết các thời kỳ trong tuần: trời mây thay đổi, nhiều nơi không mưa, thời kỳ cuối tuần có mưa dông nhiệt vài nơi về chiều tối và đêm; ngày nắng. Dự báo lượng mưa vài nơi phổ biến: 5 –</p>

phổ biến từ 20 - 40mm, vùng núi : 50 - 75mm, đạt xấp xỉ TBNN - CTK; với 3 - 6 ngày mưa.

- Tổng lượng bốc hơi: 110 - 130mm. Riêng phía bắc: 150-170mm.

**b. Thủy văn:**

Mức nước tại trạm Tà Pao và sông Lũy tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 116,15m; Hmax = 116,80m; Hmin = 115,50m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,15m; Hmax = 23,30m; Hmin = 23,00m.

15mm vùng núi: 20 – 35mm đạt xấp xỉ TBNN, với khoảng 1 – 2 ngày mưa.

- Tổng lượng bốc hơi: 40 - 50mm. Phía bắc là 55-65 mm.

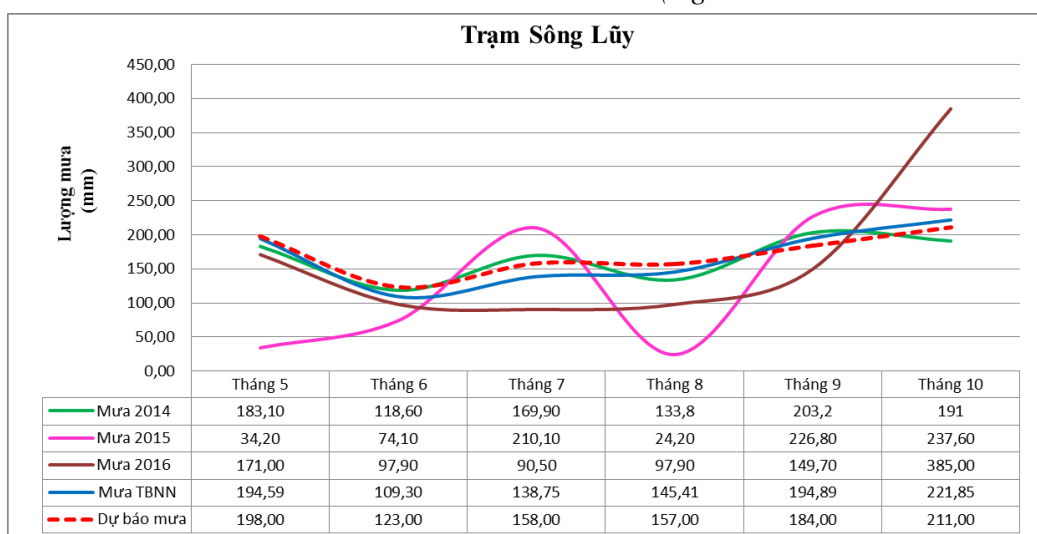
**b. Thủy văn:**

Mức nước tại trạm Tà Pao và tại trạm Sông Lũy ít thay đổi đến dao động nhỏ. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb=116,24m; Hmax = 117,00m; Hmin = 115,60m.

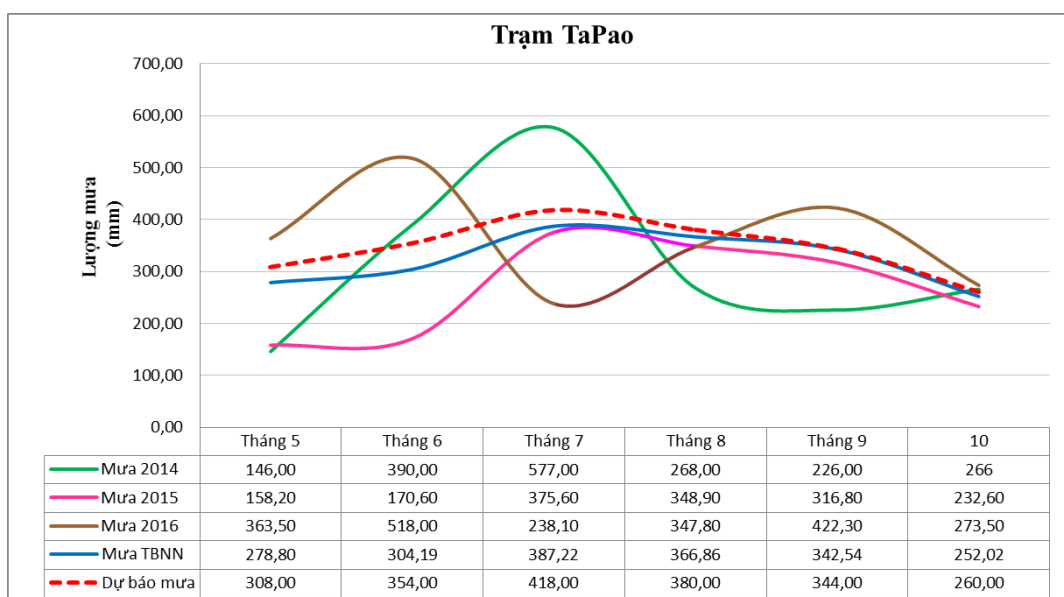
+ Sông Lũy: Htb = 23,15m; Hmax = 23,30m; Hmin = 23,00m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Hè Thu tại trạm Sông Lũy



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Hè Thu tại trạm Tà Pao

## 2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Hè Thu năm 2017 tỉnh Bình Thuận

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (tháng 5 đến tháng 8) năm 2017 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ/ đập vụ Hè Thu năm 2017 ( $10^6 m^3$ )				
		Tháng 5 ( $10^6 m^3$ )	Tháng 6 ( $10^6 m^3$ )	Tháng 7 ( $10^6 m^3$ )	Tháng 8 ( $10^6 m^3$ )	Tổng cộng ( $10^6 m^3$ )
1	Hồ Đá Bạc	0,485	0,441	0,455	0,505	1,887
2	Hồ Phan Dũng	1,555	2,251	2,065	3,935	9,807
3	Hồ Lòng Sông	0,565	0,701	1,765	6,615	9,647
4	Đập Sông Lũy	9,696	22,858	36,106	43,256	111,915
5	Hồ Cà Giấy	2,276	4,798	3,326	6,566	16,965
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,..	25,866	41,788	22,506	32,386	122,545
7	Hồ Sông Quao	4,738	28,775	35,058	47,838	116,408
8	Hồ Suối Đá	1,156	2,078	1,556	2,736	7,525
9	Hồ Sông Khán	1,448	2,025	1,718	2,518	7,708
10	Hồ Cà Giang	2,008	2,225	1,588	1,338	7,158
11	Hồ Cẩm Hàng	0,566	1,168	1,256	1,416	4,405
12	Hồ Sông Móng	3,856	3,888	3,676	7,746	19,165
13	Đập Ba Bàu	8,056	8,058	6,916	14,466	37,495
14	Hồ Đu Đủ	0,996	1,118	1,446	1,366	4,925
15	Đập Sông Phan	3,926	12,678	13,396	15,266	45,265
16	Hồ Tân Lập	0,536	1,038	2,736	1,906	6,215
17	Hồ Tà Mon	0,546	1,508	1,516	4,156	7,725
18	Hồ Núi Đất	0,814	1,768	1,784	4,424	8,788
19	Hồ Sông Dinh	6,434	24,808	54,534	85,094	170,868
20	Đập Cô Kiều	0,804	1,558	1,584	3,694	7,638
21	Sông La Ngà (tới đập Tà Pao)	101,998	158,553	159,958	214,108	634,617
22	Hồ Trà Tân	3,345	3,211	3,265	5,255	15,075
<b>Tổng cộng</b>						<b>1373,751</b>

Dự kiến lượng nước xả vụ Hè Thu của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy Điện		Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng ( $10^6 m^3$ )
Đại Ninh	Lưu lượng $Q_{bq}$ ngày ( $m^3/s$ )	7	14	15	14	132,71
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	9	13	14	13	
Hàm Thuận - Đa Mi	Lưu lượng $Q_{bq}$ ngày ( $m^3/s$ )	32	32	25	16	278,47
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	16	16	14	11	

(Nguồn: Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Bình Thuận)

### 3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Hè Thu được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng vụ Hè Thu từ tháng 05/2017 đến tháng 08/2017 là 477,46 triệu m<sup>3</sup>.

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mỗi các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2017

TT	LV Sông, hồ	Vụ Hè Thu 2017								
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)				Nhu cầu nước vụ Hè Thu (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )				
		Lúa	Cây màu (Ngô, đậu, mè,..)	Thanh Long	Thủy sản	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng
<b>Tổng cộng</b>		<b>33.480,00</b>	<b>39.851,00</b>	<b>14.736,00</b>	<b>497,00</b>	<b>172,47</b>	<b>147,01</b>	<b>102,63</b>	<b>55,35</b>	<b>477,46</b>
1	Hồ Đá Bạc	271,37	78,66	54	-	1,23	1,33	0,75	0,53	3,84
2	Hồ Phan Dũng	123,99	157,31	108	-	0,88	1,03	0,52	0,37	2,79
3	Hồ Lòng Sông	3.061,65	284,03	195	79,00	8,30	9,11	3,77	1,46	22,63
4	Đập Sông Lũy	6.321,78	4.047,83	294	-	31,11	23,93	17,10	2,80	74,93
5	Hồ Cà Giây	1.397,40	5.452,17	396	-	16,04	14,43	5,07	1,01	36,55
6	Đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn...	1.017,82	3.800	276	-	12,53	11,32	4,83	1,91	30,59
7	Hồ Sông Quao	6.369,05	3.267,35	6.622,06	-	22,71	30,56	27,44	14,30	95,01
8	Hồ Suối Đá	234,96	231,88	469,95	-	0,58	1,03	0,86	0,30	2,77
9	Hồ Sông Khán	73,99	16,78	34	-	0,15	0,21	0,18	0,04	0,57
10	Hồ Sông Móng	-	212,69	177,27	-	0,31	0,41	0,51	0,40	1,63
11	Đập Ba Bàu	725,16	4.349,28	3.625,10	-	7,63	7,97	10,32	6,85	32,77
12	Hồ Đu Đủ	96,84	1.180,13	983,63	-	1,70	2,03	2,63	1,83	8,19
13	Đập Sông Phan	1	722,66	602,33	-	0,77	1,06	0,71	0,62	3,16
14	Hồ Tân Lập	0,00	566,07	471,82	-	0,50	0,73	0,45	0,38	2,06
15	Hồ Tà Mon	0,00	164,18	136,84	-	0,15	0,21	0,13	0,11	0,60
16	Hồ Núi Đất	430	575	226	-	2,27	1,21	1,20	0,56	5,23
17	Hồ Sông Dinh	417	10.170	64	-	2,50	1,46	1,65	1,03	6,64
18	Đập Cô Kiều	40	-	-	-	0,19	0,09	0,11	0,05	0,43
19	Sông La Ngà ( Tới Đập Tà Pao)	12.798,85	3.200	-	418,00	60,41	36,69	23,32	20,81	141,23
20	Hồ Trà Tân	99,15	1.375	-	-	2,55	2,21	1,08	-	5,84

### 4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ HÈ THU NĂM 2017

#### 4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 28/04/2017 đến 04/05/2017

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 04/05/2017 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có xu hướng giảm, tổng dung tích giảm xuống còn 131,53 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 60,74% so với dung tích thiết kế), giảm 1,78 triệu m<sup>3</sup> so với thời điểm hiện tại (ngày 27/04/2017).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 04/05/2017

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	Nguồn nước hiện tại - 27/04/2017			Dự kiến nguồn nước đến 04/05/2017		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 27/04/2017 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 04/05/2017 so với thiết kế
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	30,40	3,682	82,22%	30,12	▼ 3,325	74,25%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	71,95	22,878	67,90%	71,05	▼ 21,137	62,73%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	74,38	26,952	94,53%	74,95	▲ 29,731	104,28%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	104,80	0,861	49,12%	104,75	▼ 0,845	48,21%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	83,17	36,065	53,59%	83,05	▼ 35,525	52,79%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	45,75	4,305	54,78%	45,76	▲ 4,326	55,05%
7	Hồ Cẩm Hàng	25	1,167	24,01	0,642	55,01%	23,63	▼ 0,480	41,15%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	71,44	14,869	43,51%	71,36	▼ 14,582	42,67%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	41,11	3,557	59,54%	40,80	▼ 2,888	48,34%
10	Hồ Đu Đủ	61	3,367	61,35	3,781	112,30%	61,12	▼ 3,509	104,21%
11	Hồ Tân Lập	44	1	44,50	1,225	122,50%	44,39	▼ 1,176	117,55%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	44,45	0,240	39,54%	44,35	▼ 0,224	36,95%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	20,66	3,072	38,89%	20,55	▼ 2,930	37,09%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	92,85	0,127	3,64%	92,75	▼ 0,091	2,60%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	63,77	0,475	16,67%	63,47	▼ 0,400	14,05%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	205,57	10,588	85,11%	205,47	▼ 10,365	83,31%
	<b>Tổng</b>		<b>216,559</b>		<b>133,32</b>	<b>61,56%</b>		<b>131,53</b>	<b>60,74%</b>

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

## 4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu 2017

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Hè Thu đã tính ở trên, dự báo từ ngày 28/04 - 31/08/2017 sẽ có:

- + 15/19 hồ/đập thủy lợi có khả năng đảm bảo cấp nước cho vụ Hè Thu (xem Bảng 7): đập Ba Bàu, hồ Cà Giây, Hệ thống đập Đồng Mới..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Sông Phan, hồ Sông Dinh, Sông La Ngà (tới đập Tà Pao), hồ Trà Tân, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông, hồ Đu Đủ, hồ Tân Lập;
- + 4/19 hồ/đập còn lại trên địa bàn tỉnh cũng đáp ứng phần lớn diện tích tưới: hồ Núi Đất (đáp ứng 89,33% nhu cầu nước nông nghiệp), hồ Sông Khán (đáp ứng 96,72% nhu cầu nước nông nghiệp), hồ Sông Lũy (đáp ứng 99,17% nhu cầu nước nông nghiệp), hồ Đá Bạc (đáp ứng 97,32% nhu cầu nước nông nghiệp).

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa, đập dâng vụ Hè Thu 2017 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu tỉnh Bình Thuận năm 2017

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu					Khả năng cấp nước tưới vụ Hè Thu 2017
		Lượng nước thiếu ( $10^6 m^3$ )					
		Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng	
1	Hồ Đá Bạc	0	0	0	0,104	0,104	97,32%
2	Hồ Phan Dũng	0	0	0	0	0	100%
3	Hồ Lòng Sông	0	0	0	0	0	100%
4	Đập Sông Lũy	0,627	0	0	0	0,627	99,17%
5	Hồ Cà Giây	0	0	0	0	0	100%
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	0	0	0	0	100%
7	Hồ Sông Quao	0	0	0	0	0	100%
8	Hồ Suối Đá	0	0	0	0	0	100%
9	Hồ Sông Khán	0	0	0	0,019	0,019	96,72%
10	Hồ Sông Móng	0	0	0	0	0	100%
11	Đập Ba Bàu	0	0	0	0	0	100%
12	Hồ Đu Đù	0	0,065	0,279	0,009	0,353	100%
13	Đập Sông Phan	0	0	0	0	0	100%
14	Hồ Tân Lập	0	0	0	0	0	100%
15	Hồ Tà Mon	0	0	0	0	0	100%
16	Hồ Núi Đất	0,157	0	0	0,406	0,563	89,33%
17	Hồ Sông Dinh	0	0	0	0	0	100%
18	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	0	0	0	0	0	100%
19	Hồ Trà Tân	0	0	0	0	0	100%
<b>Tổng</b>						<b>1,666</b>	

### **Kết luận - Kiến nghị:**

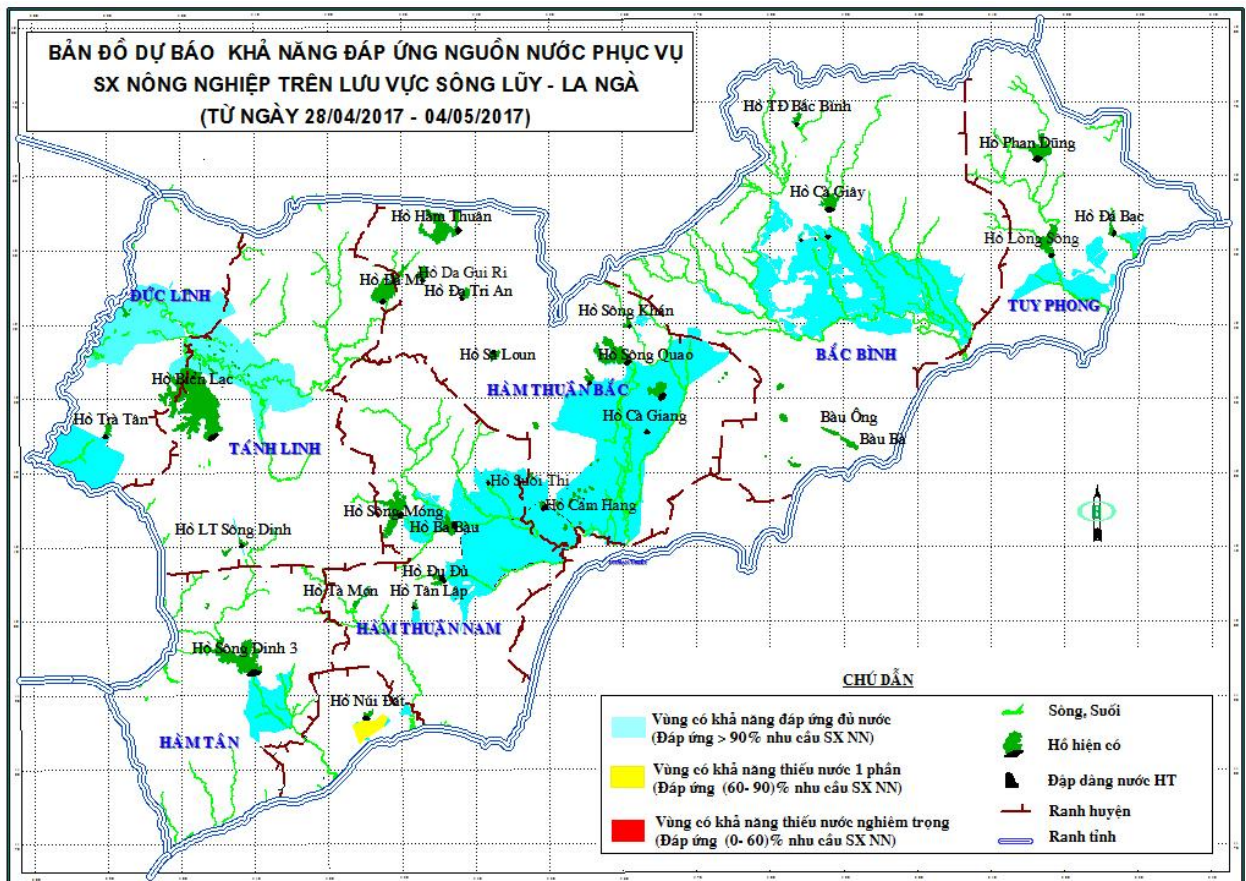
Trên cơ sở kết quả kiểm kê nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, địa phương cần: Cập nhật thường xuyên tình hình KTTV, diễn biến mưa và nguồn nước các hồ để có kế hoạch chăm sóc tốt nhất cho cây trồng vụ Hè Thu; Tiếp tục theo dõi lưu lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 04/05/2017 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh còn khoảng 131,53 triệu  $m^3$  (chiếm 60,74% so với dung tích thiết kế), như vậy về cơ bản các vùng/khu vực trên địa bàn tỉnh dự báo từ ngày 28/04/2017 đến ngày 04/05/2017 đều có khả năng đáp ứng đủ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp. Dưới đây là kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 04/05/2017 như sau:

- Hồ Lòng Sông có 21,14 triệu  $m^3$ , hồ Phan Dũng có 10,36 triệu  $m^3$ , hồ Đá Bạc 3,32 triệu  $m^3$ : Sử dụng nguồn nước hiện có trong các hồ này để cấp đủ nước tưới cho lúa, cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Cà Giây có 29,73 triệu  $m^3$ , hồ Sông Quao có 35,52 triệu  $m^3$ : có thể tận dụng

nguồn nước thủy điện Đại Ninh, lượng nước trữ trong hồ để cấp đủ nước tưới cho lúa và cây trồng vụ Hè Thu;

- Hồ Sông Móng có 14,58 triệu m<sup>3</sup>, đập Ba Bàu có 2,89 triệu m<sup>3</sup>, hồ Tà Mon có 0,22 triệu m<sup>3</sup>, hồ Đu Đủ có 3,51 triệu m<sup>3</sup>, hồ Tân Lập có 1,18 triệu m<sup>3</sup>, hồ Núi Đất có 2,93 triệu m<sup>3</sup>, có thể sử dụng nguồn nước trong các hồ để cấp đủ nước cho lúa, cây trồng cạn vụ Hè Thu;
- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Hè Thu theo kế hoạch 2017.



Hình 5: Bản đồ dự báo nguồn nước và khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên lưu vực sông Lũy – La Ngà tỉnh Bình Thuận từ ngày 28/04/2017 đến ngày 04/05/2017

**Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 27/04/2017**

*(Lưu ý: Bản tin này sẽ được Viện tiếp tục cập nhật trong mùa khô. Để phục vụ kịp thời cho sản xuất ứng phó chủ động với tình hình hạn hán, thiếu nước mùa khô 2017, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).*

Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwrr.org.vn> . Các thông tin về tình hình hạn hán, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: [vkhtmlmn@gmail.com](mailto:vkhtmlmn@gmail.com) và [tncnbvmt@gmail.com](mailto:tncnbvmt@gmail.com) ./.